

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên,
Năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		68		3	41	6	5	13		39	10				
I	Giáo viên	46		1	38	7	0			39	7				
1	Nhà trẻ	9			8	1				7	2				
2	Mẫu giáo	37		1	30	6	0			32	5				
II	Cán bộ quản lý	03		2	1						3				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2				
III	Nhân viên	19			2		6	11							
1	Nhân viên văn thư – Thủ quỹ	1					1			1					
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ	1					1			1					
4	Nhân viên y tế	1					1			1					
5	Nhân viên khác	15			1		3	11							
..	..														

Quận 7, ngày 11 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Hạnh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	Số 2,2 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)		5,502 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)		100 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	2.083	2 m ² /trẻ em
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	462	0,44 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	315	0,3 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	104,4 m ²	2 m ² /trẻ em
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	74 m ²	1,85 m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)		210 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	630	30
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		05/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học	16	1
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài	1	

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	21		20		05 m ² /trẻ em

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Quận 7, ngày 11 tháng 6 năm 2024
HIỆN TRƯỞNG
MẦM NON PHÚ THUẬN
Phạm Thị Hạnh

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	888		32	73	196	267	320
1	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	888	0	0	0	0	0	0
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	888		32	73	196	267	320
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	888		32	73	196	267	320
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	888		32	73	196	267	320
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	821	00	31	70	189	255	275
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	00	00	00	00	00	00	00
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	888	00	32	73	196	267	320
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	00	00	00	00	0	00	00
5	Số trẻ thừa cân béo phì	67	00	01	02	07	12	45
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	105	0	32	73	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	783	0	0	0	196	267	320

Quận 7, ngày 11 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Hạnh

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Phú Thuận Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. - Ngủ 1 giấc buổi trưa. - Biết đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Thể chất: Mức độ đạt 95 % - Tình cảm- xã hội: Mức độ đạt 95 % - Nhận thức: Mức độ đạt 95 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 95 %	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì) - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Thể chất: Mức độ đạt 100 % - Tình cảm - xã hội: Mức độ đạt 100 % - Nhận thức: Mức độ đạt 98 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 98 % - Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 100 %
II	Chương trình chăm sóc giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Phát triển thể chất. Mức độ đạt 95 % - Phát triển nhận thức. Mức độ đạt 95% - Phát triển ngôn ngữ. Mức độ đạt 95 % - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Mức độ đạt 95 %	- Phát triển thể chất. Mức độ đạt 100 % - Phát triển nhận thức: Mức độ đạt 98 % - Phát triển ngôn ngữ. Mức độ đạt 98 % - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. Mức độ đạt: 100 % - Phát triển thẩm mỹ. Mức độ đạt: 100 %
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.	- Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt, máy điều hòa nhiệt độ - Phòng vệ sinh: đầy đủ đồ dùng, dụng cụ vệ sinh; vách ngăn kính cô quan sát bao quát đảm bảo an toàn cho trẻ.	- Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt, máy điều hòa nhiệt độ - Phòng vệ sinh: đầy đủ đồ dùng, dụng cụ vệ sinh; vách ngăn kính cô quan sát bao quát đảm bảo an toàn cho trẻ. Phân biệt khu vệ sinh nam – nữ.

Quận 7, ngày 11 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hạnh